

# HIỆU SUẤT QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÔNG TẠI TỈNH LONG AN GIAI ĐOẠN 2018-2023: GÓC NHÌN TỪ CHI TIÊU CÔNG VÀ TRÁCH NHIỆM GIẢI TRÌNH TÀI CHÍNH

**Trần Thị Kim Oanh<sup>1</sup>, Nguyễn Việt Hồng Anh<sup>1\*</sup>, Nguyễn Văn Điệp<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Trường Đại học Tài chính - Marketing

<sup>2</sup>Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

\*Tác giả liên hệ: Email: nvhanh@ufm.edu.vn

Ngày nhận: 12/06/2025

Ngày nhận lại: 10/09/2025

Ngày đăng: 25/02/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v16i6.981

**Phụ lục 1. Bảng chuyển đổi theo Phương pháp tính điểm M2**

Điểm của từng khía cạnh riêng lẻ (chỉ số thành phần)	Điểm số tổng theo PP M2	Điểm của từng khía cạnh riêng lẻ (chỉ số thành phần)	Điểm số tổng theo PP M2
Chỉ số có 2 khía cạnh (2 chỉ số thành phần)		Chỉ số có 4 khía cạnh (4 chỉ số thành phần)	
D D	D	D D D D	D
D C	C+	D D D C	D
D B	C	D D D B	D+
D A	C+	D D D A	D+
C C	C	D D C C	D+
C B	C+	D D C B	D+
C A	B	D D C A	C
B B	B	D D B B	C
B A	B+	D D B A	C+
A A	A	D D A A	C+
Chỉ số có 3 khía cạnh (3 chỉ số thành phần)		Chỉ số có 4 khía cạnh (4 chỉ số thành phần)	
D D D	D	D C C C	D+
D D C	D+	D C C B	C
D D B	D+	D C C A	C+
D D A	C	D C B B	C+
D C C	D+	D C B A	C+
D C B	C	D C A A	B
D C A	C+	D B B B	C+
D B B	C+	D B B A	B
D B A	B	D B A A	B
D A A	B	D A A A	B+
C C C	C	C C C C	C
C C B	C+	C C C B	C+
C C A	B	C C C A	C+
C B B	B	C C B B	C+
C B A	B	C C B A	B
C A A	B+	C C A A	B
B B B	B	C B B B	B
B B A	B+	C B B A	B
B A A	A	C B B B	B
A A A	A	C B B A	B

	C	B	A	A	B+
	C	A	A	A	B+
	B	B	B	B	B
	B	B	B	A	B+
	B	B	A	A	B+
	B	A	A	A	A
	A	A	A	A	A

**Lưu ý:** Thứ tự các điểm số cho từng khía cạnh của 1 chỉ số không quan trọng.  
Bảng này không áp dụng cho các chỉ số sử dụng phương pháp tính điểm MI.

**Phụ lục 2.** Nội dung các trụ cột và tiêu chí của PEFA

Trụ cột	Tiêu chí
I. Độ tin cậy ngân sách	1. Tổng số chi thực tế 2. Cơ cấu chi thực tế 3. Tổng số thu thực tế
II. Minh bạch tài chính công	4. Phân loại ngân sách 5. Tài liệu ngân sách 6. Các hoạt động của chính phủ trung ương ngoài nội dung báo cáo tài chính 7. Chuyển giao cho các chính phủ địa phương 8. Thông tin hiệu suất để cung cấp dịch vụ 9. Quyền truy cập công khai vào thông tin tài chính
III. Quản lý tài sản và nợ phải trả	10. Báo cáo rủi ro tài khóa 11. Quản lý đầu tư công 12. Quản lý tài sản công 13. Quản lý nợ
IV. Chiến lược tài khóa và ngân sách dựa trên chính sách	14. Dự báo kinh tế vĩ mô và tài khóa 15. Chiến lược tài khóa 16. Quan điểm trung hạn trong lập ngân sách chi tiêu 17. Quy trình chuẩn bị ngân sách 18. Giám sát lập pháp về ngân sách
V. Khả năng dự đoán và kiểm soát trong việc thực hiện ngân sách	19. Quản lý số thu 20. Kế toán số thu 21. Khả năng dự đoán của việc phân bổ nguồn lực trong năm 22. Nợ chi tiêu 23. Kiểm soát tiền lương 24. Mua sắm 25. Kiểm soát nội bộ về chi tiêu không cần thiết 26. Kiểm toán nội bộ
VI. Kế toán và báo cáo	27. Tính toán vẹn của dữ liệu tài chính 28. Báo cáo ngân sách trong năm 29. Báo cáo tài chính hàng năm
VII. Kiểm tra và giám sát bên ngoài	30. Kiểm toán bên ngoài 31. Kiểm tra pháp lý các báo cáo kiểm toán

*Nguồn: PEFA Secretariat (2016)*

**Phụ lục 3.** Tổng hợp các phương pháp chấm điểm đối với mỗi tiêu chí theo PEFA

<b>Ký hiệu các tiêu chí</b>	<b>Tên các tiêu chí</b>	<b>Phương pháp tính điểm</b>
<b>Trụ cột 1</b>	<b>Độ tin cậy ngân sách</b>	
PI-1	Kết quả chi tiêu tổng hợp	M1
PI-2	Kết quả chi tiêu thành phần	M1
PI-3	Tổng thu thực tế	M2
<b>Trụ cột 2</b>	<b>Minh bạch tài chính công</b>	
PI-4	Phân loại ngân sách	M1
PI-5	Tài liệu ngân sách	M1
PI-6	Các hoạt động của chính phủ trung ương/địa phương ngoài nội dung báo cáo tài chính	M2
PI-7	Chuyển giao cho chính phủ địa phương	M2
PI-8	Thông tin hiệu suất để cung cấp dịch vụ	M2
PI-9	Quyền truy cập công khai vào thông tin tài chính	M1
<b>Trụ cột 3</b>	<b>Quản lý tài sản có và nợ phải trả</b>	
PI-10	Báo cáo rủi ro tài khóa	M2
PI-11	Quản lý đầu tư công	M2
PI-12	Quản lý tài sản công	M2
PI-13	Quản lý nợ	M2
<b>Trụ cột 4</b>	<b>Lập ngân sách và chiến lược tài chính dựa trên cơ sở chính sách</b>	
PI-14	Dự báo kinh tế vĩ mô và tài khóa	M2
PI-15	Chiến lược tài khóa	M2
PI-16	Quan điểm trung hạn trong lập ngân sách chi tiêu	M2
PI-17	Quy trình chuẩn bị ngân sách	M2
PI-18	Giám sát lập pháp về ngân sách	M1
<b>Trụ cột 5</b>	<b>Khả năng dự đoán và kiểm soát trong thực hiện ngân sách</b>	
PI-19	Quản lý số thu	M2
PI-20	Kế toán số thu	M1
PI-21	Khả năng dự đoán của việc phân bổ nguồn lực trong năm	M2
PI-22	Nợ chi tiêu	M1
PI-23	Kiểm soát tiền lương	M1
PI-24	Mua sắm	M2
PI-25	Kiểm soát nội bộ về chi tiêu không cần thiết	M2
PI-26	Kiểm toán nội bộ	M1
<b>Trụ cột 6</b>	<b>Kế toán và Báo cáo</b>	
PI-27	Tính toàn vẹn của dữ liệu tài chính	M2
PI-28	Báo cáo ngân sách trong năm	M1
PI-29	Báo cáo tài chính hàng năm	M1
<b>Trụ cột 7</b>	<b>Kiểm tra và giám sát bên ngoài</b>	
PI-30	Kiểm toán bên ngoài	M1
PI-31	Kiểm tra pháp lý các báo cáo kiểm toán	M2

(Nguồn: PEFA Secretariat, 2016)

**Phụ lục 4. Bảng tổng hợp đối tượng khảo sát**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng khảo sát</b>
1	Chủ tịch	HĐND tỉnh, UBND	2
2	Phó chủ tịch	HĐND tỉnh, UBND	4
3	Giám đốc	Sở Tài chính tỉnh Long An, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước	3
4	Phó giám đốc	Sở Tài chính tỉnh Long An, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước	8
5	Trưởng, phó phòng	Sở Tài chính tỉnh Long An, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước	25
6	Chuyên viên	Sở Tài chính tỉnh Long An, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước	95
7	Trưởng, phó phòng	Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Tân An, huyện Châu Thành, huyện Tân Trụ, huyện Thủ Thừa, huyện Bến Lức, huyện Cần Đước, huyện Cần Giuộc, huyện Đức Hòa, huyện Đức Huệ, huyện Thạnh Hóa, huyện Tân Thạnh, huyện Mộc Hóa, thị xã Kiến Tường, huyện Vĩnh Hưng, huyện Tân Hưng	30
8	Chuyên viên	Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Tân An, huyện Châu Thành, huyện Tân Trụ, huyện Thủ Thừa, huyện Bến Lức, huyện Cần Đước, huyện Cần Giuộc, huyện Đức Hòa, huyện Đức Huệ, huyện Thạnh Hóa, huyện Tân Thạnh, huyện Mộc Hóa, thị xã Kiến Tường, huyện Vĩnh Hưng, huyện Tân Hưng	150
9	Cục trưởng	Cục Thuế tỉnh Long An	1
10	Phó cục trưởng	Cục Thuế tỉnh Long An	4
11	Trưởng, phó phòng	Cục Thuế tỉnh Long An	34
12	Chi Cục trưởng	Chi cục Thuế khu vực Tân An - Thủ Thừa, Châu Thành - Tân Trụ, Đức Hòa - Đức Huệ, Tân Thạnh - Thạnh Hóa, Kiến Tường - Mộc Hóa, Vĩnh Hưng - Tân Hưng, Bến Lức, và Cần Giuộc - Cần Đước	8
13	Phó Chi Cục trưởng	Chi cục Thuế khu vực Tân An - Thủ Thừa, Châu Thành - Tân Trụ, Đức Hòa - Đức Huệ, Tân Thạnh - Thạnh Hóa, Kiến Tường - Mộc Hóa, Vĩnh Hưng - Tân Hưng, Bến Lức, và Cần Giuộc - Cần Đước	15
14	Chuyên viên	Chi cục Thuế khu vực Tân An - Thủ Thừa, Châu Thành - Tân Trụ, Đức Hòa - Đức Huệ, Tân Thạnh - Thạnh Hóa, Kiến Tường - Mộc Hóa, Vĩnh Hưng - Tân Hưng, Bến Lức, và Cần Giuộc - Cần Đước	150
25	Kiểm toán viên	Kiểm toán Nhà nước khu vực	10
<b>Tổng cộng</b>			<b>539</b>